

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 276/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 12 - 2023

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Ánh Hoa

Ông Trương Công Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 539/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 316/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Kim N, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 2, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Minh K, sinh ngày 27/10/1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 2, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Kim N và anh Phạm Minh K kết hôn năm 2012, được Ủy ban nhân dân xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03/2012 quyển số 01/2012, hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, từ đó chị N và anh K ly thân với nhau cho đến nay. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh K.

Con chung: Có một con chung tên Phạm Lê Nhật D, sinh ngày 01/12/2013 hiện sống cùng chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Minh K đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng anh K vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị N với anh K xác lập quan hệ vợ chồng trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh K, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân phải được xây dựng và vun đắp từ hai phía, bằng tình nghĩa, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện công việc trong gia đình. Tuy nhiên chị N xác định chị N không còn tình cảm với anh K, chị N không thể duy trì quan hệ hôn nhân với anh K, thực tế anh chị đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020. Đối với anh K không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, điều đó thấy anh K cũng không mong muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân này. Xét thấy, hôn nhân của chị N với anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh K.

[2] Về con chung: Có một con chung tên Phạm Lê Nhật D, sinh ngày 01/12/2013 hiện sống cùng chị N. Xét yêu cầu nuôi con của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo biên bản làm việc vào ngày 10/10/2023, nội dung ghi nhận ý kiến của cháu Phạm Lê Nhật D, theo đó cháu D trình bày trường hợp chị N ly hôn anh K, thì cháu D có nguyện vọng theo sống cùng chị N. Do đó để không làm ảnh hưởng đến tinh thần, cũng như để đảm quyền lợi về mọi mặt cho sự phát triển của cháu D, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu D cho chị N nuôi dưỡng. Chị N không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu D nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình: Chị Lê Kim N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Kim N.

- Hôn nhân: Chị Lê Kim N được ly hôn anh Phạm Minh K.

- Con chung: Giao cháu Phạm Lê Nhật D, sinh ngày 01/12/2013 cho chị Lê

Kim N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Phạm Minh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Chị Lê Kim N không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình: Chị Lê Kim N phải chịu án phí 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008304 ngày 27/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Lê Kim N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Minh K vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND xã An Xuyên, tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Phạm Việt Trung